

Số: /KH-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng**  
**trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026 - 2028**

Thực hiện Quyết định số 2780/QĐ-BYT ngày 29/8/2025 của Bộ Y tế ban hành Kế hoạch Tiêm chủng mở rộng giai đoạn 03 năm (2026 – 2028) và Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 20/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 – 2028.

Sở Y tế thành phố Hải Phòng xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 – 2028, cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

- Đảm bảo hoàn thành mục tiêu và chỉ tiêu tiêm chủng theo Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 20/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026 – 2028.

- Duy trì tỷ lệ bao phủ tiêm chủng cao, phòng chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; củng cố hệ thống y tế dự phòng và nâng cao nhận thức cộng đồng giai đoạn 2026 – 2028.

**2. Chỉ tiêu chuyên môn**

**2.1. Chỉ tiêu tiêm chủng**

a) Tỷ lệ tiêm chủng hàng năm đạt từ 90% trở lên đối với các loại vắc xin sau:

- Vắc xin Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ;
- Vắc xin Uốn ván cho phụ nữ có thai (tiêm đủ mũi).

b) Tỷ lệ tiêm chủng hàng năm đạt từ 95% trở lên đối với các loại vắc xin:

- Vắc xin Lao;
- Vắc xin DPT-VGB-Hib;
- Vắc xin Bạch liệt uống (bOPV);
- Vắc xin Bạch liệt tiêm (IPV);
- Vắc xin Rota;
- Vắc xin Sởi;

- Vắc xin DPT;
- Vắc xin Sởi - Rubella;
- Vắc xin Td;
- Vắc xin Viêm não Nhật Bản;
- Vắc xin Phế cầu; vắc xin HPV tại vùng triển khai đạt từ 95% trở lên khi đưa vắc xin vào sử dụng tại Hải Phòng.

### 2.2. Chỉ tiêu giám sát bệnh trong tiêm chủng mở rộng

- Không ghi nhận vi rút bại liệt hoang dại;
- Duy trì 100% xã đạt tiêu chuẩn loại trừ uốn ván sơ sinh;
- Không chế tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm: Sởi:  $\leq 05$  ca/100.000 dân; Bạch hầu:  $\leq 0,1$  ca/100.000 dân; Ho gà:  $\leq 01$  ca/100.000 dân;
- Đảm bảo số trường hợp liệt mềm cấp được điều tra, lấy mẫu đạt  $\geq 1$  ca/100.000 trẻ dưới 15 tuổi; Các ca nghi sởi/rubella được điều tra/lấy mẫu đạt  $\geq 2$  ca/100.000 dân; Đảm bảo số ca chết sơ sinh được điều tra đạt  $\geq 2$  ca/1.000 trẻ đẻ sống.

### 2.3. Một số chỉ tiêu khác

- 100% các cơ sở tiêm chủng (bao gồm cả cơ sở tiêm chủng công lập và dịch vụ) cập nhật đầy đủ thông tin, lịch sử tiêm chủng trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia.
- 100% các trường hợp phản ứng sau tiêm chủng được theo dõi, xử trí kịp thời; điều tra, báo cáo; thực hiện bồi thường theo quy định.
- 100% cán bộ thực hiện hoạt động chuyên môn tại các cơ sở tiêm chủng được đào tạo, tập huấn, cấp chứng chỉ an toàn tiêm chủng theo quy định.
- Đảm bảo 100% kho bảo quản vắc xin tuyến khu vực, Trạm Y tế xã, phường được trang bị đầy đủ dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin trong suốt thời gian triển khai tiêm chủng.

## II. NHU CẦU VẮC XIN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

### 1. Nhu cầu vắc xin

- Vắc xin trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng, gồm 14 loại, cụ thể: Viêm gan B, Lao, DPT-VGB-Hib, Bại liệt uống, Bại liệt tiêm, Sởi, Sởi - Rubella, Viêm não Nhật Bản, Uốn ván, DPT, Td, Rota, Phế cầu và HPV:
- Năm 2026: 842.900 liều
- Năm 2027: 846.700 liều
- Năm 2028: 842.200 liều

(Nhu cầu số lượng và chủng loại vắc xin của các địa phương trong toàn thành phố chi tiết tại Phụ lục 1).

Căn cứ tình hình triển khai thực tế và số vắc xin còn tồn cuối năm, Sở Y tế sẽ có điều chỉnh nhu cầu vắc xin hàng năm đảm bảo sử dụng hiệu quả và đáp ứng nhu cầu của địa phương.

## 2. Đối tượng<sup>1</sup>

Đối tượng/năm	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
Trẻ <1 tuổi	44.892	45.285	45.370
Trẻ 1 tuổi	44.383	44.649	45.084
Trẻ 18 tháng tuổi	46.494	45.305	45.039
Trẻ 2 tuổi	48.385	46.832	46.800
Trẻ 7 tuổi	58.051	56.396	52.830
Phụ nữ có thai	43.795	44.221	44.455

(Số liệu cụ thể chi tiết tại Phụ lục 2)

## 3. Thời gian thực hiện: 03 năm (từ năm 2026 đến năm 2028)

## 4. Phạm vi triển khai: Trên toàn thành phố Hải Phòng

## III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

### 1. Công tác tham mưu, chỉ đạo triển khai thực hiện

- Đẩy mạnh sự tham gia, phối hợp của các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể với các hoạt động nâng cao tỷ lệ tiêm chủng, vận động người dân hưởng ứng tiêm chủng phòng bệnh.

- Phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch số 302/KH-UBND ngày 20/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2028; rà soát các đối tượng trong Chương trình tiêm chủng mở rộng (TCMR); tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền để đảm bảo các đối tượng trong độ tuổi được tiếp cận với các cơ sở tiêm chủng và sử dụng các loại vắc xin theo đúng quy định;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở tiêm chủng dịch vụ, đặc biệt là việc nhập, quản lý dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia của Bộ Y tế.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật giữa các tuyến, chú trọng công tác hỗ trợ đối với tuyến xã, phường, đặc khu. Đối với xã, phường, đặc khu chưa có bác sỹ, địa phương cần chuẩn bị các phương án, kế hoạch, nguồn lực hỗ trợ để đảm bảo an toàn trong các buổi tiêm chủng.

- Tổ chức Hội nghị, giao ban, tập huấn định kỳ và đột xuất. Tăng cường

<sup>1</sup> Căn cứ văn bản đăng ký đối tượng tiêm chủng của UBND các xã/phường thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng năm 2026, 2027 và 2028.

công tác kiểm tra, giám sát đôn đốc chỉ đạo thực hiện hoạt động chuyên môn ở tất cả các tuyến nhằm đánh giá hoạt động tiêm chủng thường xuyên, chỉ đạo khắc phục kịp thời những khó khăn tồn tại.

- Chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác bảo quản, vận chuyển, điều chuyển và sử dụng vắc xin đúng theo qui định; đồng thời tổ chức triển khai tiêm chủng đảm bảo an toàn, hiệu quả đạt chỉ tiêu kế hoạch.

- Duy trì hoạt động của Hội đồng chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin theo đúng quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BYT ngày 18/9/2018 và Thông tư số 05/2020/TT-BYT ngày 03/04/2020. Phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức đánh giá, xác định nguyên nhân, tham mưu biện pháp xử lý, bồi thường theo quy định pháp luật. Kịp thời công bố nguyên nhân và biện pháp xử lý trên các phương tiện thông tin đại chúng, tránh gây hoang mang trong cộng đồng.

- Triển khai Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 24/11/2025 của UBND triển khai kiểm tra tiền sử tiêm chủng của trẻ nhập học lần đầu tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học. Tổ chức tiêm bù các loại vắc xin như sởi, sởi-rubella, bại liệt, viêm não Nhật Bản<sup>2</sup>.

## **2. Công tác thông tin, truyền thông**

- Tăng cường truyền thông về lợi ích của tiêm chủng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình, tài liệu phát tay, pano, áp phích... Kết hợp các hình thức truyền thông truyền thống với các phương tiện hiện đại như: Lập các nhóm Zalo, Facebook dành cho các bà mẹ có con trong độ tuổi tiêm chủng để tuyên truyền, nhắc lịch tiêm chủng, chia sẻ thông tin về vắc xin và phản ứng sau tiêm.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng, đặc biệt là nguy cơ mắc các bệnh truyền nhiễm nếu không được tiêm phòng đầy đủ; lợi ích của việc tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch. Phát huy vai trò của cộng tác viên y tế, nhân viên y tế thôn, tổ dân phố trong việc tiếp cận, tư vấn và vận động người dân đưa con em tham gia tiêm chủng.

- Phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình để xây dựng và phát sóng các chuyên mục, chuyên đề về tiêm chủng. Hàng quý, xây dựng chuyên đề truyền thông về: Tiêm chủng an toàn; Phản ứng sau tiêm chủng và cách theo dõi; Lịch tiêm chủng cho trẻ em và phụ nữ mang thai; Hướng dẫn các bà mẹ theo dõi trẻ sau tiêm chủng...

## **3. Công tác đào tạo, tập huấn**

Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác tiêm chủng và triển khai công tác tiêm chủng hằng năm; tổ chức tập huấn nâng cao năng lực về quản lý; tổ chức tập huấn, thực hành tiêm chủng, phần mềm Hệ thống thông tin tiêm chủng Quốc gia cho cán bộ phụ trách tiêm chủng từ tuyến thành phố đến tuyến xã, phường, đặc

---

<sup>2</sup> Kế hoạch 980/KH-BYT-BGDĐT ngày 19/07/2023 của Bộ Y tế phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Triển khai kiểm tra tiền sử và tiêm chủng bù liều cho trẻ nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học.

khu. Đảm bảo tất cả cán bộ tham gia tiêm chủng các tuyến phải được tập huấn và thực hiện đúng các quy định về tiêm chủng. Nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, quản lý tốt hoạt động tiêm chủng thông qua Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia.

#### **4. Đảm bảo triển khai các hoạt động chuyên môn**

##### **4.1. Đảm bảo nguồn cung ứng vắc xin trong Chương trình TCMR**

- Chỉ đạo các địa phương rà soát đầy đủ đối tượng trong Chương trình Tiêm chủng mở rộng (TCMR), tổng hợp dự trù và gửi Cục phòng bệnh - Bộ Y tế, Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương để được cấp vắc xin từ ngân sách Trung ương theo Nghị định số 13/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ (*bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về hoạt động tiêm chủng*).

- Tiếp nhận vắc xin do Viện VSDTTU phân bổ; tổ chức bảo quản, cấp phát theo quy định. Kịp thời chỉ đạo việc điều phối giữa các địa phương trong thành phố để bảo đảm cung ứng đầy đủ, liên tục, không để xảy ra tình trạng thiếu vắc xin cục bộ. Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình sử dụng, tồn kho vắc xin theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức mua sắm, đấu thầu vắc xin và vật tư tiêm chủng trong trường hợp phát sinh nhu cầu sử dụng vắc xin để phòng chống dịch. Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí ngân sách.

##### **4.2. Công tác bảo quản, cấp phát, vận chuyển vắc xin, vật tư tiêm chủng**

- Các cơ sở tiêm chủng thường xuyên chủ động kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn và kiểm định dây chuyền lạnh cùng các thiết bị theo dõi nhiệt độ, bảo đảm vắc xin luôn được lưu giữ ở nhiệt độ phù hợp theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế.

- Việc vận chuyển từ kho bảo quản đến điểm tiêm chủng phải sử dụng hòm lạnh, phích vắc xin đúng quy chuẩn, tuân thủ Thông tư số 36/2018/TT-BYT và Thông tư số 34/2018/TT-BYT ngày 16/11/2018, cũng như các quy định hiện hành về hoạt động tiêm chủng.

- Bảo đảm cung cấp kịp thời các vật tư phục vụ tiêm chủng mở rộng như bơm kim tiêm, hộp an toàn, phiếu tiêm chủng, sổ sách quản lý, tài liệu truyền thông, pano, áp phích...

- Căn cứ số lượng vắc xin được cấp và đối tượng tiêm chủng tại từng địa phương để phân bổ hợp lý; đồng thời dự trù kinh phí mua sắm, cấp phát vật tư (*bơm kim tiêm, hộp an toàn, phiếu tiêm chủng, sổ sách quản lý TCMR, tài liệu truyền thông...*) bảo đảm đầy đủ, kịp thời, tránh lãng phí.

- Tăng cường giám sát việc bảo quản, vận chuyển và sử dụng vắc xin, vật tư; thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Bộ Y tế để bảo đảm minh bạch, an toàn và hiệu quả.

### **4.3. Công tác rà soát, quản lý đối tượng trong tiêm chủng mở rộng**

- Sử dụng Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia (QLTTTCQG) làm công cụ chính trong việc quản lý, theo dõi, lập kế hoạch tiêm chủng và cập nhật dữ liệu tiêm chủng trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức điều tra, rà soát và quản lý đối tượng tiêm chủng theo địa bàn quản lý, trong đó tập trung vào việc thu thập thông tin tiền sử tiêm chủng các loại vắc xin thuộc Chương trình Tiêm chủng mở rộng đối với trẻ em nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học.

- Căn cứ kết quả điều tra, lập danh sách trẻ chưa tiêm hoặc tiêm chưa đủ liều để tổ chức tiêm chủng bù liều theo đúng quy định chuyên môn và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Đảm bảo việc cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin tiêm chủng của từng đối tượng lên hệ thống QLTTTCQG, phục vụ công tác quản lý, giám sát và báo cáo theo quy định.

### **4.4. Tổ chức tiêm chủng**

- Đảm bảo đối tượng được tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch: Trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và phụ nữ có thai được đảm bảo sử dụng theo đúng chủng loại vắc xin, đúng thời gian quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BYT ngày 13/6/2024 của Bộ Y tế. Ngành y tế căn cứ vào số lượng đối tượng, thời điểm tổ chức, loại vắc xin... để tham mưu cho lãnh đạo địa phương chỉ đạo bố trí các điểm tiêm chủng phù hợp, gồm: Điểm tiêm chủng cố định tại cơ sở y tế; Điểm tiêm chủng lưu động tại cộng đồng, trường học, khu công nghiệp...

- Phối hợp tổ chức và đảm bảo an toàn buổi tiêm: Huy động sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương để phối hợp tổ chức tiêm chủng, đảm bảo: An ninh trật tự; An toàn tiêm chủng; Phân công rõ ràng nhiệm vụ cho từng lực lượng hỗ trợ. Số lượng người được tiêm tại mỗi điểm, mỗi buổi tiêm phải tuân thủ đúng hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế, tránh quá tải, đảm bảo chất lượng phục vụ.

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn tiêm chủng: Tại các điểm tiêm chủng, phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, quy trình chuyên môn<sup>3</sup>.

- Bố trí kíp/đội cấp cứu lưu động: Các địa phương cần chủ động bố trí kíp/đội cấp cứu lưu động sẵn sàng hỗ trợ các điểm tiêm chủng trên địa bàn, đảm bảo có đầy đủ nhân lực chuyên môn; trang bị thuốc cấp cứu, phương tiện vận chuyển, thiết bị y tế thiết yếu và sẵn sàng xử lý phản ứng bất lợi sau tiêm chủng, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người được tiêm.

<sup>3</sup> Nghị định 104/2016/NĐ-CP quy định chung về hoạt động tiêm chủng, Thông tư 34/2018/TT-BYT hướng dẫn chi tiết việc khám sàng lọc trước tiêm chủng và Quyết định 1575/QĐ-BYT (2023) ban hành hướng dẫn cụ thể về khám sàng lọc cho trẻ em.

#### **4.5. Giám sát, điều tra nguyên nhân gây phản ứng sau tiêm chủng**

- Tiếp tục củng cố hệ thống giám sát phản ứng sau tiêm chủng tại tất cả các tuyến. Kịp thời phát hiện, phân loại và xử lý các phản ứng sau tiêm ngay tại cơ sở tiêm chủng; chuyển người bị tai biến nặng sau tiêm chủng trong trường hợp vượt quá khả năng đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh gần nhất và báo cáo cho Sở Y tế theo đúng quy định.

- Kịp thời tổ chức điều tra, đánh giá nguyên nhân tai biến sau tiêm chủng trong các trường hợp sau: (1) tai biến nặng sau tiêm chủng, (2) tỷ lệ phản ứng thông thường thực tế vượt quá tỷ lệ thống kê thường gặp, (3) một trường hợp hay một cụm phản ứng có khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng tới cộng đồng.

- Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho gia đình người bị tai biến nặng về nguyên nhân gây tai biến, đồng thời báo cáo Bộ Y tế về nguyên nhân tai biến nặng sau tiêm chủng. Thực hiện việc dừng sử dụng lô vắc xin có liên quan trên địa bàn toàn thành phố nếu xác định nguyên nhân tai biến do chất lượng vắc xin. Tham mưu cho cấp có thẩm quyền tổ chức bồi thường các trường hợp người sử dụng vắc xin trong Chương trình bị tai biến nặng để lại di chứng dẫn đến bị khuyết tật hoặc người được tiêm chủng bị tử vong theo đúng quy định hiện hành.

#### **5. Kết hợp y tế công, tư và xã hội hóa trong hoạt động tiêm chủng**

- Tiếp tục kiện toàn, rà soát, sắp xếp mô hình tổ chức hoạt động của hệ thống tiêm chủng từ tuyến thành phố xuống đến Trạm Y tế các xã, phường, đặc khu đảm bảo các cơ sở y tế công lập phải thực hiện tiêm chủng các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch theo đúng quy định hiện hành. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân nếu đã công bố đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định được phép đăng ký với Sở Y tế để thực hiện tiêm chủng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng và phải tổ chức triển khai tiêm chủng chống dịch khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Các cơ sở y tế công lập hoặc cơ sở y tế tư nhân khi được cấp có thẩm quyền huy động phải đảm bảo triển khai việc tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng và các loại vắc xin khác (nếu có). Đối với các loại vắc xin dịch vụ phải đảm bảo chất lượng vắc xin; đảm bảo công khai, minh bạch về giá; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai và theo đúng hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; thực hiện nghiêm túc các quy định đảm bảo an toàn tiêm chủng, đồng thời cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin cá nhân, lịch sử tiêm chủng của đối tượng tiêm chủng lên Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia.

- Tăng cường công tác truyền thông, vận động, khuyến khích người dân kết hợp sử dụng các loại vắc xin có trong Chương trình và các vắc xin không có trong Chương trình để phòng chống các bệnh truyền nhiễm phổ biến. Kịp thời thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân sử dụng đầy đủ các loại vắc xin tại các cơ sở tiêm chủng dịch vụ trong các trường hợp nguồn

cung vắc xin của Chương trình cung ứng không kịp thời để đạt tỷ lệ tiêm chủng, đảm bảo thực hiện mục tiêu miễn dịch cộng đồng.

## **6. Hoạt động điều tra, giám sát các bệnh truyền nhiễm trong TCMR, đáp ứng với tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn.**

Tăng cường điều tra, giám sát phát hiện sớm các bệnh trong Chương trình TCMR, đặc biệt các trường hợp nghi mắc sởi, viêm não vi rút, viêm não Nhật Bản, ho gà...; đồng thời tăng cường kiểm tra công tác tiêm phòng vắc xin tại các khu vực có số trường hợp mắc tăng cao. Đảm bảo tỷ lệ giám sát bệnh bại liệt; giám sát chết sơ sinh, uốn ván sơ sinh; giám sát bệnh sởi/rubella theo chỉ tiêu Kế hoạch.

## **7. Tăng cường năng lực hệ thống các cơ sở tiêm chủng mở rộng**

- Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên sâu cho cán bộ phụ trách Chương trình TCMR các tuyến. Cập nhật kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành về an toàn tiêm chủng, xử trí phản ứng sau tiêm, khám sàng lọc trước tiêm cho cán bộ y tế tại các cơ sở y tế công lập và tư nhân. Đảm bảo đội ngũ cán bộ tiêm chủng có năng lực quản lý chương trình, sử dụng thành thạo phần mềm quản lý và thực hiện đúng quy trình chuyên môn.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất đối với các cơ sở tiêm chủng về: Quản lý, bảo quản, sử dụng vắc xin; Vận hành hệ thống dây chuyền lạnh; Ghi chép sổ sách, báo cáo số liệu; Triển khai tiêm chủng thường xuyên và chiến dịch... Tăng cường hỗ trợ chuyên môn cho tuyến y tế cơ sở, đặc biệt trong công tác giám sát các ca bệnh có vắc xin phòng bệnh, đảm bảo phát hiện sớm và xử lý kịp thời.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hoạt động tiêm chủng mở rộng, bao gồm: Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia và các công cụ hỗ trợ thống kê, báo cáo, phân tích dữ liệu chuyên ngành. Việc ứng dụng công nghệ thông tin phải tuân thủ đúng hướng dẫn của Chính phủ và Bộ Y tế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát và điều hành chương trình, với mục tiêu xây dựng hệ thống tiêm chủng mở rộng an toàn, hiệu quả, có khả năng đáp ứng nhanh với tình hình dịch bệnh và nhu cầu tiêm chủng của người dân. Tăng cường kết nối giữa các tuyến, đảm bảo liên thông dữ liệu, đồng bộ thông tin, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách y tế.

## **IV. KINH PHÍ DỰ KIẾN**

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý; huy động nguồn xã hội hóa, nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác cho hoạt động tiêm chủng theo đúng quy định hiện hành.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Nghiệp vụ Y**

- Tham mưu lãnh đạo Sở Y tế chỉ đạo các đơn vị y tế trong ngành triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo đạt mục tiêu đề ra.



- Phối hợp với Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Y tế trong việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố cấp kinh phí cho công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

## **2. Phòng Kế hoạch - Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, các đơn vị liên quan, với Sở Tài chính trong việc đề nghị cấp kinh phí cho công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Hướng dẫn, giám sát công tác quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định.

## **3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố**

- Là đầu mối xây dựng Kế hoạch chuyên môn kèm dự toán kinh phí chi tiết; chủ trì, phối hợp với các bệnh viện, trung tâm y tế khu vực và các cơ sở tiêm chủng mở rộng triển khai hiệu quả theo đúng Kế hoạch này. Kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo Sở Y tế triển khai công tác tiêm chủng mở rộng theo đúng quy định của Bộ Y tế.

- Chủ động tổ chức Hội nghị, đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ phụ trách về tiêm chủng mở rộng ở các tuyến, đặc biệt đối với các cán bộ mới, cán bộ chuyên trách chương trình.

- Tổng hợp nhu cầu vắc xin từ các đơn vị trong toàn thành phố; tham mưu Sở Y tế đề xuất nhu cầu vắc xin gửi Bộ Y tế và các cơ quan có liên quan; Tổ chức tiếp nhận, bảo quản vắc xin, vật tư tiêm chủng từ Trung ương; phân bổ vắc xin, vật tư tiêm chủng trong Chương trình TCMR theo nhu cầu của các bệnh viện, trung tâm y tế khu vực, đặc khu. Tham mưu Sở Y tế điều chuyển vắc xin giữa các địa phương trong thành phố nếu có thừa, thiếu cục bộ.

- Tăng cường giám sát hệ thống dây chuyền lạnh bảo quản vắc xin các tuyến. Đảm bảo dây chuyền lạnh tại các tuyến được trang bị đầy đủ, kiểm định, kiểm chuẩn theo quy định.

- Phối hợp, hướng dẫn các cơ sở tiêm chủng tổ chức tiêm chủng đảm bảo an toàn, hiệu quả.

- Chủ động triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên, đột xuất các hoạt động về tiêm chủng (*bảo quản, vận chuyển, các thủ tục xuất nhập vắc xin, kiểm định, kiểm chuẩn trang thiết bị...*) và quản lý dữ liệu trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia theo phân cấp quản lý. Phối hợp điều tra, giám sát các trường hợp mắc bệnh trong chương trình TCMR.

- Chủ trì, phối hợp Trung tâm Y tế khu vực tổ chức điều tra, giám sát, lấy mẫu xét nghiệm các trường hợp mắc, nghi mắc các bệnh truyền nhiễm trong Chương trình TCMR đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

- Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; cung cấp tài liệu, thông tin tuyên truyền về tiêm chủng trên website của ngành về hoạt động tiêm chủng trong toàn thành phố.

- Thực hiện điều tra, báo cáo kịp thời các trường hợp phản ứng nặng sau

tiêm chủng; tham mưu cho Hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng và các thủ tục bồi thường (nếu có).

- Thực hiện thống kê báo cáo tháng, quý, năm theo qui định của Bộ Y tế.

#### **4. Các cơ sở y tế có phòng sinh**

- Thực hiện tạo mới tài khoản cho trẻ sinh tại cơ sở trong vòng 24 giờ sau sinh với thông tin đầy đủ, chính xác trên Hệ thống Quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia theo quy định.

- Tư vấn cho sản phụ và gia đình về lợi ích tiêm vắc xin phòng bệnh viêm gan B, Lao; tổ chức tiêm vắc xin viêm gan B, BCG (Lao) miễn phí cho trẻ theo đúng quy định hiện hành; ghi đầy đủ thông tin (*mã ID, tình trạng sức khỏe, tình trạng tiêm vắc xin VGB, BCG*) vào Sổ tiêm chủng cá nhân, cấp Sổ tiêm chủng cá nhân và hướng dẫn các thông tin cần thiết cho bà mẹ của mỗi trẻ theo quy định.

- Kịp thời cập nhật thông tin, lịch sử tiêm chủng của tất cả các trẻ được sinh tại đơn vị lên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia.

- Thực hiện bảo dưỡng, hiệu chuẩn trang thiết bị bảo quản vắc xin theo qui định và báo cáo, thống kê hàng tháng theo qui định.

#### **5. Các Trung tâm Y tế khu vực, đặc khu**

- Căn cứ Kế hoạch triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố, giai đoạn 03 năm (2026 - 2028), xây dựng kế hoạch và phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ, tỷ lệ bao phủ vắc xin theo Kế hoạch.

- Tổng hợp nhu cầu vắc xin theo yêu cầu của chương trình; phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ thực hiện công tác TCMR.

- Đảm bảo công tác tiếp nhận, bảo quản, cấp phát vắc xin, vật tư tiêm chủng; bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị theo GSP.

- Phối hợp với UBND xã, phường, đặc khu tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình TCMR trên địa bàn.

- Tổ chức hướng dẫn, giám sát, hỗ trợ các cơ sở TCMR trên địa bàn thực hiện đúng, đủ các quy trình kỹ thuật trong thực hành tiêm chủng.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác tiêm chủng. Phối hợp với các đơn vị điều tra giám sát các trường hợp mắc bệnh có vắc xin trong chương trình TCMR; phản ứng sau tiêm chủng.

- Chỉ đạo Trạm Y tế các xã, phường, đặc khu rà soát đối tượng tiêm chủng trong diện quản lý; hàng tháng cập nhật bổ sung đầy đủ lịch sử tiêm chủng của các đối tượng trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia.

- Theo dõi đánh giá tiến độ thực hiện của chương trình TCMR. Báo cáo kết quả thực hiện; phản ứng sau tiêm chủng; kết quả thực hiện Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia trong toàn khu vực theo quy định.

## **6. Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa thành phố**

- Sẵn sàng cử đội cấp cứu lưu động hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động tiêm chủng khi được yêu cầu; sẵn sàng tiếp nhận các trường hợp tai biến sau tiêm chủng do cơ sở tuyến dưới chuyển đến hoặc người dân tự đưa đến.

- Cử cán bộ phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan điều tra, giám sát, xác minh các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng mở rộng theo đề nghị của cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn chuyên môn đánh giá nguyên nhân tai biến nặng trong quá trình sử dụng vắc xin (nếu có).

## **7. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu**

- Căn cứ vào Kế hoạch của UBND thành phố và Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng các năm phù hợp với tình hình thực tế. Tập trung rà soát đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng chưa được tiêm hoặc tiêm chưa đủ mũi đề xuất nhu cầu sử dụng vắc xin phù hợp.

- Bố trí đủ kinh phí đảm bảo cho công tác TCMR, đồng thời chủ động đáp ứng về nhân lực, trang thiết bị phục vụ cho công tác tiêm chủng mở rộng trên địa bàn, đặc biệt là bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định trang thiết bị (nếu có).

- Chỉ đạo Trạm Y tế:

+ Tổ chức thực hiện Chương trình Tiêm chủng mở rộng đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng quy định chuyên môn. Tăng cường công tác giám sát, theo dõi và xử lý kịp thời các phản ứng sau tiêm chủng. Giám sát chặt chẽ các bệnh truyền nhiễm có vắc xin phòng ngừa thuộc phạm vi TCMR, nhằm phát hiện sớm và ngăn chặn nguy cơ bùng phát dịch.

+ Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức điều tra, rà soát tiền sử đối tượng tiêm chủng, đặc biệt đối với trẻ khi nhập học tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học trên địa bàn thành phố và tổ chức tiêm chủng bù liều cho trẻ. Phối hợp với trường học tổ chức tốt việc tiêm chủng vắc xin Bạch hầu - Uốn ván (Td) hoặc các chiến dịch tiêm chủng cho học sinh khi có chỉ đạo như vắc xin phòng Sởi, Sởi-Rubella...

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội tăng cường tham mưu công tác quản lý nhà nước về y tế. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ sở tiêm chủng dịch vụ, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Phối hợp với tuyến trên để kiểm tra hệ thống dây chuyền lạnh, quy trình tiêm chủng..., đảm bảo an toàn.

- Chỉ đạo các Ban, ngành, đoàn thể tăng cường tuyên truyền về nguy cơ mắc bệnh nếu không tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch. Nhấn mạnh trách nhiệm của cha mẹ trong việc đăng ký và đưa trẻ đi tiêm chủng đúng quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn phải thực hiện nghiêm

chính và báo cáo kết quả thực hiện theo qui định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chương trình Tiêm chủng mở rộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 03 năm (2026 – 2028), đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Y tế (*qua Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố*) để phối hợp giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- UBND thành phố (để báo cáo);
- Giám đốc SYT (để báo cáo);
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Các đơn vị y tế trực thuộc;
- TTKSBT thành phố;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phan Huy Thục**

**Phụ lục 1**  
**NHU CẦU VẮC XIN TRONG TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG TRÊN ĐỊA**  
**BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2028**  
(Kèm theo Kế hoạch số: \_\_\_\_\_ /KH-SYT ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2025)

TT	Loại vắc xin	Nhu cầu vắc xin					
		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028	
		Sử dụng cho đối tượng TCMR của năm	Sử dụng tiêm bù, tiêm chủng trường học	Sử dụng cho đối tượng TCMR của năm	Sử dụng tiêm bù, tiêm chủng trường học	Sử dụng cho đối tượng TCMR của năm	Sử dụng tiêm bù, tiêm chủng trường học
1	Viêm gan B* (liều)	42,400	0	42,700	0	42,800	0
2	BCG (liều)	56,500	0	57,000	0	57,100	0
3	DPT-VGB-Hib (liều)	70,600	0	71,300	0	71,400	0
4	OPV (liều)	129,000	8,000	130,000	8,800	130,600	8,800
5	IPV (liều)	53,800	5,300	54,300	5,800	54,400	5,800
6	Rota (liều)	65,900	0	66,500	0	66,700	0
7	Sởi (liều)	47,000	2,600	48,000	2,900	47,600	2,900
8	Sởi-Rubella (liều)	48,800	2,700	47,600	2,900	47,300	2,900
9	VNNB (ml)	80,000	8,300	76,000	8,900	76,000	8,900
10	DPT (liều)	70,000	0	70,000	0	70,000	0
11	Td (liều)	56,000	0	54,000	0	51,000	0
12	Uôn ván (liều)	96,000	0	100,000	0	98,000	0

\* Số lượng vắc xin bao gồm nhu cầu của các địa phương và các bệnh viện có phòng sinh..

**Phụ lục 2**  
**SỐ ĐỐI TƯỢNG DỰ KIẾN CHƯƠNG TRÌNH TCMR TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2028**  
*(Kèm theo Kế hoạch số:                    /KH-SYT ngày            tháng            năm 2025)*

STT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T
1	An Dương	810	830	830	830	1159	855	780	785	790	965	1055	830	790	790	795	980	1055	845
2	An Hải	689	691	689	687	778	745	685	687	685	685	785	759	691	693	691	691	773	951
3	An Phong	497	497	492	497	635	520	510	510	500	500	605	535	500	500	510	510	555	535
4	An Lão	421	421	464	441	564	431	436	436	476	453	588	447	447	447	486	464	545	457
5	An Hưng	251	254	273	292	370	252	254	262	272	279	378	255	255	262	267	273	352	256
6	An Quang	288	295	285	300	404	293	290	293	292	280	385	295	292	295	295	288	350	297
7	An Trường	326	341	375	373	458	340	332	344	365	360	421	344	332	348	358	361	393	345
8	An Khánh	365	370	374	442	485	375	373	377	392	432	473	382	380	390	405	437	475	390
9	Bạch Long Vĩ	2	3	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
10	Cát Hải	340	328	329	481	458	345	245	334	330	476	433	348	345	336	332	499	410	350
11	Hưng Đạo	408	415	435	428	590	360	408	415	435	458	573	360	408	415	435	430	573	360
12	Dương Kinh	260	265	265	270	403	260	260	265	260	265	391	260	265	265	260	260	380	265
13	Nam Đồ Sơn	240	240	242	242	325	240	240	240	242	242	324	240	240	240	240	240	282	240
14	Đồ Sơn	130	136	140	156	170	124	130	132	139	164	171	123	134	130	137	160	151	127
15	Hải An	1070	1040	1010	1000	1430	1071	1075	1075	1045	1045	1425	1075	1060	1060	1040	1040	1395	1045
16	Đông Hải	475	475	455	455	630	460	490	490	470	470	615	475	605	605	485	485	620	490
17	Hồng Bàng	941	961	950	975	1229	964	940	961	950	975	1154	959	939	963	950	975	1149	960
18	Hồng An	575	575	575	580	934	617	577	577	577	577	903	610	570	570	570	570	890	604
19	Kiến An	745	650	715	710	1519	745	750	655	715	710	1495	750	750	655	715	710	1472	755
20	Phù Liễn	480	505	505	505	590	480	485	490	505	500	580	480	480	490	505	500	575	480
21	Kiến Thụy	362	375	418	567	512	338	362	381	406	551	519	334	359	368	398	551	501	327
22	Kiến Minh	254	254	271	259	354	252	263	263	285	263	355	263	265	265	275	267	337	265
23	Kiến Hải	420	420	439	468	595	420	415	415	457	484	550	410	400	400	440	470	395	400
24	Kiến Hưng	282	282	296	349	402	293	276	276	295	355	370	293	286	286	300	365	397	298
25	Nghi Dương	310	307	320	320	433	314	333	313	332	305	375	325	323	333	324	317	315	323
26	An Biên	908	945	925	928	926	905	905	942	922	925	922	905	905	942	925	928	922	905
27	Lê Chân	945	920	865	920	830	945	945	920	865	920	830	945	846	920	865	920	830	945
28	Ngô Quyền	600	600	580	585	638	607	600	600	580	580	630	607	600	600	580	580	630	607
29	Gia Viên	615	615	590	592	640	630	620	610	595	600	650	635	620	610	595	600	650	630

STT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T
30	Quyết Thắng	195	195	200	220	310	195	210	210	215	215	320	205	215	215	220	220	310	220
31	Tiên Lãng	415	423	435	425	531	436	418	423	440	430	500	443	433	437	448	437	500	447
32	Tân Minh	300	300	300	340	380	310	300	300	300	340	380	310	300	300	300	340	380	310
33	Tiên Minh	1149	500	520	441	375	330	1168	503	513	442	381	325	1155	501	515	444	369	310
34	Chân Hưng	313	299	323	325	358	325	317	313	313	307	341	335	320	317	317	307	340	340
35	Hùng Thắng	285	285	285	285	310	240	285	285	285	290	310	240	285	285	285	290	310	240
36	Thủy Nguyên	680	681	681	700	923	691	697	699	689	703	922	704	708	708	699	724	941	704
37	Nam Triệu	413	428	437	472	491	405	425	440	442	472	491	405	415	430	442	472	481	405
38	Lê Ích Mộc	617	617	605	615	670	587	618	619	619	620	670	588	617	617	608	608	650	587
39	Thiên Hương	483	483	491	506	559	491	487	489	489	517	565	496	488	488	492	505	543	495
40	Hòa Bình	620	630	650	640	680	620	620	650	640	640	680	610	620	620	640	640	670	610
41	Bạch Đằng	504	497	1309	597	707	534	520	507	555	537	717	517	530	545	545	535	696	530
42	Việt Khê	411	410	399	390	481	375	405	400	393	385	475	370	400	395	388	380	470	365
43	Lưu Kiếm	657	660	650	675	726	657	668	665	668	675	740	668	675	673	663	670	731	670
44	Vĩnh Bảo	545	555	545	539	721	491	558	561	541	554	728	487	540	543	554	559	712	496
45	Nguyễn B. Khiêm	253	244	253	258	332	215	252	242	252	255	329	218	253	244	251	250	317	217
46	Vĩnh Am	374	381	373	374	434	370	364	376	382	378	409	364	379	378	386	391	393	372
47	Vĩnh Hải	433	429	417	427	464	419	388	397	399	412	442	398	383	392	395	403	442	381
48	Vĩnh Hòa	346	346	333	351	377	344	342	342	347	348	426	338	358	357	363	355	382	348
49	Vĩnh Thịnh	307	316	307	310	392	303	305	298	292	303	328	295	303	313	310	305	302	292
50	Vĩnh Thuận	664	732	754	774	830	656	640	646	740	726	890	620	610	630	666	640	830	610
51	Hải Dương	430	465	447	441	486	445	452	460	468	449	474	443	445	482	467	480	491	445
52	Lê Thanh Nghị	515	515	490	491	486	515	492	490	464	463	455	492	469	472	467	470	446	469
53	Việt Hòa	350	360	337	391	486	345	360	365	331	364	352	350	355	360	340	365	417	350
54	Thành Đông	460	436	488	502	710	455	452	465	440	448	523	452	471	458	449	460	657	451
55	Nam Đồng	287	284	273	288	298	287	279	282	290	293	308	284	278	283	255	275	293	283
56	Tân Hưng	355	360	337	374	345	355	345	350	326	366	346	340	325	337	325	370	321	337
57	Thạch Khôi	375	385	295	310	465	340	365	380	295	310	455	330	365	370	295	310	435	330
58	Tứ Minh	310	320	327	318	336	317	310	320	326	328	322	315	326	315	321	325	282	315
59	Ái Quốc	220	220	210	240	298	210	235	235	218	243	275	220	232	232	205	220	269	222
60	Chu văn An	536	566	572	612	702	534	518	534	535	566	654	518	507	535	524	534	612	507
61	Chí Linh	262	262	292	391	436	255	241	243	184	394	444	239	243	243	252	381	426	253
62	Trần Hưng Đạo	321	339	341	415	446	321	311	321	326	339	415	311	296	326	319	321	374	296

STT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T
63	Nguyễn Trãi	165	164	198	222	247	154	167	165	192	230	228	159	167	167	200	237	198	161
64	Trần Nhân Tông	263	265	265	270	327	263	265	267	268	266	330	268	269	266	270	271	324	270
65	Lê Đại Hành	205	202	244	277	300	210	260	274	267	275	325	237	275	280	284	274	321	230
66	Kinh Môn	255	265	275	350	285	235	258	263	265	355	275	230	262	267	277	367	280	232
67	Nguyễn Đại Nãi	302	301	318	354	35	287	310	307	287	286	399	295	314	315	286	292	343	299
68	Trần Liễu	295	280	298	341	376	307	296	295	301	281	360	307	304	312	311	301	350	303
69	Bắc An Phụ	210	211	226	244	310	186	215	210	229	205	313	180	219	214	227	216	295	189
70	Phạm Sư Mạnh	195	225	259	272	360	193	200	195	188	225	317	199	204	207	201	195	295	201
71	Nhị Chiểu	370	363	396	403	539	370	370	370	383	393	478	370	368	370	375	385	428	368
72	Nam An Phụ	270	270	285	290	350	270	280	280	290	260	370	280	285	285	285	280	340	285
73	Nam Sách	870	333	377	358	472	330	369	330	365	352	453	369	359	369	349	347	367	359
74	Thái Tân	205	213	257	257	292	217	215	205	221	197	293	213	215	215	207	221	237	219
75	Trần Phú	290	272	398	495	600	290	450	441	506	435	597	423	420	430	500	441	427	435
76	Hợp Tiến	197	188	174	204	257	197	199	197	182	152	230	199	150	203	202	197	206	200
77	An Phú	310	310	340	385	505	310	310	310	335	390	500	310	310	310	335	385	495	310
78	Thanh Hà	332	245	393	411	426	332	350	332	332	396	488	344	372	347	340	347	422	366
79	Hà Tây	445	435	420	450	466	445	445	440	415	455	480	445	450	445	410	450	420	450
80	Hà Bắc	392	397	388	385	500	390	380	392	398	407	484	380	388	380	389	392	442	385
81	Hà Nam	266	280	276	286	348	269	256	266	275	291	311	254	255	264	267	270	293	255
82	Hà Đông	350	338	339	357	455	346	350	350	349	338	467	346	354	345	359	350	350	348
83	Mao Điền	453	460	457	442	620	443	450	465	468	452	578	450	458	460	452	448	575	454
84	Cẩm Giàng	320	320	320	320	362	320	320	320	320	320	355	320	320	320	320	320	330	320
85	Cẩm Giàng	370	370	370	380	535	370	375	365	375	365	380	375	375	375	375	365	410	375
86	Tuệ Tĩnh	278	270	301	312	350	270	280	278	295	275	338	290	282	280	284	278	330	290
87	Kẻ Sặt	390	405	439	452	606	398	407	395	427	435	563	411	409	407	414	431	501	409
88	Bình Giang	339	331	321	380	453	341	351	345	329	351	433	344	362	356	328	344	149	361
89	Đường An	365	347	355	364	522	355	361	360	350	335	472	360	376	370	345	360	397	365
90	Thượng Hồng	22	232	232	279	315	223	231	229	240	237	287	231	231	237	242	232	283	232
91	Gia Lộc	411	417	541	575	635	400	420	411	482	517	581	425	422	415	490	523	501	422
92	Yết Kiêu	321	318	336	512	521	325	323	321	330	420	494	328	326	328	332	419	436	321
93	Gia Phúc	446	445	477	632	620	461	452	446	466	565	585	467	454	462	462	576	499	458
94	Trường Tân	330	311	374	397	492	300	352	330	364	326	462	307	365	355	367	345	386	312
95	Tứ Kỳ	376	383	369	425	538	376	383	380	372	382	493	383	379	383	373	383	452	379



STT	Xã/phường/đặc khu	Năm 2026						Năm 2027						Năm 2028					
		Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T	Trẻ <1 tuổi	Trẻ 1 tuổi	Trẻ 18 tháng	Trẻ 2 tuổi	Trẻ 7 tuổi	PNC T
96	Tân Kỳ	315	337	395	539	537	340	332	313	378	541	479	345	351	342	398	558	396	357
97	Đại Sơn	270	290	310	332	405	270	290	285	306	285	379	290	285	295	305	275	332	285
98	Chí Minh	280	270	305	367	500	275	270	278	285	270	474	270	272	270	267	270	380	285
99	Lạc Phụng	255	228	260	326	433	272	294	260	253	218	426	280	295	294	277	260	372	277
100	Nguyễn Giáp	265	265	254	290	472	200	260	270	265	270	430	204	261	255	260	285	415	210
101	Ninh Giang	341	349	405	374	439	342	340	360	400	392	416	335	343	354	401	360	377	339
102	Vĩnh Lại	370	383	398	416	522	365	390	370	395	383	507	385	382	390	378	385	470	385
103	Khúc Thừa Dụ	261	266	270	275	335	245	260	271	260	265	330	245	252	262	265	260	290	225
104	Tân An	83	280	311	342	430	277	277	283	277	280	395	276	280	277	28	283	379	285
105	Hồng Châu	270	276	312	303	398	225	258	265	301	270	384	266	261	268	297	261	345	266
106	Lai Khê	437	436	416	417	625	417	405	425	418	429	585	410	409	404	400	427	484	414
107	Phú Thái	455	457	477	487	605	447	470	455	451	452	600	473	450	477	465	448	540	455
108	An Thành	300	332	330	335	441	320	335	327	348	332	428	335	316	332	338	327	336	316
109	Kim Thành	430	452	462	485	590	415	486	450	440	470	588	472	486	487	445	460	537	476
110	Thanh Miện	470	465	471	487	634	470	461	466	472	478	642	462	455	460	466	480	545	460
111	Bắc Thanh Miện	270	275	261	276	374	270	275	270	263	275	354	277	283	280	276	271	282	278
112	Hải Hưng	248	255	289	302	370	250	250	248	260	260	350	252	240	255	265	258	294	243
113	Nguyễn L. Bằng	345	360	365	385	527	351	352	357	373	373	476	358	352	352	373	365	420	362
114	Nam Thanh Miện	299	315	397	474	395	305	303	302	398	487	410	311	311	310	391	466	388	313
	<b>Tổng cộng</b>	<b>44966</b>	<b>44390</b>	<b>46491</b>	<b>48385</b>	<b>58059</b>	<b>43795</b>	<b>45285</b>	<b>44649</b>	<b>45305</b>	<b>46832</b>	<b>56396</b>	<b>44221</b>	<b>45370</b>	<b>45084</b>	<b>45039</b>	<b>46800</b>	<b>52830</b>	<b>44455</b>

